

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚ ĐÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141/QĐ-UBND

Phú Đình, ngày 06 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý 3, 9 tháng năm 2022 của xã Phú Đình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ ĐÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

Căn cứ luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Xét đề nghị của Ban tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý 3, 9 tháng năm 2022 của xã Phú Đình

(Có các biểu từ biểu 113 đến biểu 115 chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Phú Đình, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...



CHỦ TỊCH

Trương Văn Vượng

UBND XÃ PHÚ ĐÌNH

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Phú Đình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.262.000.000	1.545.677.513	29,4
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	90.400.000	34.960.000	38,7
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	324.700.000	29.211.713	9,0
3	Thu bổ sung	4.846.900.000	1.481.505.800	30,6
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	5.164.000.000	1.314.596.126	25,5
1	Chi đầu tư phát triển	140.000.000	0	0,0
2	Chi thường xuyên	4.927.000.000	1.314.596.126	26,7
3	Dự phòng	97.000.000		0,0

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Phú Đình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	5.262.000.000	5.262.000.000	1.545.677.513	1.545.677.513	29,37	29,37
I	Các khoản thu 100%	90.400.000	90.400.000	34.960.000	34.960.000	38,67	38,67
1	Phí, lệ phí	55.000.000	55.000.000	31.355.000	31.355.000	57,01	57,01
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	35.400.000	35.400.000	3.605.000	3.605.000	10,18	10,18
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	324.700.000	324.700.000	29.211.713	29.211.713	9,00	9,00
1	Các khoản thu phân chia	11.700.000	11.700.000	0	0	0,00	0,00
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200.000	200.000		0	0,00	0,00
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11.500.000	11.500.000	0	0	0,00	0,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất						

2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	313.000.000	313.000.000	29.211.713	29.211.713	9,33	9,33
2.1	Thu tiền sử dụng đất	200.000.000	200.000.000	0	0	0,00	0,00
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	75.000.000	75.000.000	29.211.713	29.211.713	38,95	38,95
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	38.000.000	38.000.000	0	0,00	0,00	0,00
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.846.900.000	4.846.900.000	1.481.505.800	1.481.505.800	30,57	30,57

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 141/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Phú Đình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN				ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3		
	TỔNG CHI	5.164.000.000	140.000.000	5.024.000.000	1.314.596.126	0	1.314.596.126	26,17	0	26,17		
	Trong đó:											
1	Chi giáo dục											
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ											
3	Chi y tế											
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	1.202.850		1.202.850	3,44		3,44		
5	Chi phát thanh, truyền thanh											
6	Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	11.670.000		11.670.000	46,68		46,68		
7	Chi bảo vệ môi trường											
8	Chi các hoạt động kinh tế											
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.862.000.000	140.000.000	4.722.000.000	1.278.323.536		1.278.323.536	27,07	0,00	27,07		
10	Chi cho công tác xã hội	145.000.000		145.000.000	23.399.740		23.399.740	16,14		16,14		
11	Chi khác											
12	Dự phòng	97.000.000		97.000.000	0		0	0,00		0,00		
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau											

UBND XÃ PHÚ ĐÌNH

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐO NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 141/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Phú Đình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.262.000.000	4.281.394.445	81,4
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	90.400.000	90.062.500	99,6
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	324.700.000	96.906.145	29,8
3	Thu bổ sung	4.846.900.000	4.094.425.800	84,5
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	5.164.000.000	3.988.594.718	77,2
1	Chi đầu tư phát triển	140.000.000	0	0,0
2	Chi thường xuyên	4.927.000.000	3.988.594.718	81,0
3	Dự phòng	97.000.000		0,0

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 141/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Phú Đình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	5.262.000.000	5.262.000.000	4.281.394.445	4.281.394.445	81,36	81,36
I	Các khoản thu 100%	90.400.000	90.400.000	90.062.500	90.062.500	99,63	99,63
1	Phí, lệ phí	55.000.000	55.000.000	66.012.000	66.012.000	120,02	120,02
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	35.400.000	35.400.000	24.050.500	24.050.500	67,94	67,94
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	324.700.000	324.700.000	96.906.145	96.906.145	29,84	29,84
1	Các khoản thu phân chia	11.700.000	11.700.000	11.823.000	11.823.000	101,05	101,05
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200.000	200.000	223.000	223.000	0,00	111,50
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11.500.000	11.500.000	11.600.000	11.600.000	100,87	100,87
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất						

2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	313.000.000	313.000.000	85.083.145	85.083.145	27,18	27,18
2.1	Thu tiền sử dụng đất	200.000.000	200.000.000	36.344.000	36.344.000	18,17	18,17
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	75.000.000	75.000.000	48.739.145	48.739.145	64,99	64,99
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	38.000.000	38.000.000	0	0	0,00	0,00
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.846.900.000	4.846.900.000	4.094.425.800	4.094.425.800	84,48	84,48

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 141/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Phú Đình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.164.000.000	140.000.000	5.024.000.000	3.988.594.718	0	3.988.594.718	79,39	0	79,39
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	20.602.850		20.602.850	58,87		58,87
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	46.158.800		46.158.800	184,64		184,64
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.862.000.000	140.000.000	4.722.000.000	3.758.024.018		3.758.024.018	79,59	0,00	79,59
10	Chi cho công tác xã hội	145.000.000		145.000.000	66.809.050		66.809.050	46,08		46,08
11	Chi khác									
12	Dự phòng	97.000.000		97.000.000	97.000.000		97.000.000	100,00		100,00
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									